

NG ỈC TU



Tên tiếng: C Tu.
Tên gọi khác: Ca Tu, Ka Tu.
Dân số: 36.967 người.

Ngôn ngữ: Tiếng nói thuộc ngôn ngữ Môn - Kh Me (ngành Nam Á), gần gũi với tiếng Tà Ôi, Bru - Vân Kiều. Chưa có tài liệu ghi chép trước năm 1975, trên cơ sở dùng chữ La-tinh phiên âm, nhưng nay ít người sử dụng.

Địa phương: Người C Tuc trú lâu ở miền núi tây bắc tỉnh Quảng Nam, tây nam tỉnh

Thừa Thiên Huế, liên kết với các bản phân bố của C Tuc bên Lào. Họ thuộc các dân cư trú lâu ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên.

Họ tên và xuất xứ: Làm rẫy là chính, canh tác theo lối phát cây bằng rìu và dao quắm, rìu, sau đó dùng gậy chọc lỗ tra hạt giống, làm cỏ bằng cái nỏ có lưỡi sắt uốn cong, tuốt lúa bằng tay. Rẫy cà phê, xen canh và cấy sau vài vụ rồi bỏ hoá mất thì gian dài trước khi canh tác tiếp. Miền miền gieo trồng một vụ.

Vật nuôi chủ yếu là trâu, lợn, chó, gà. Song, nguynh các phẩm hàng ngày chủ yếu do hái lượm, săn bắn và đánh bắt cá địa phương. Nghề thủ công có dệt vải và làm gốm (tủn) ở miền phía giáp biên giới Việt - Lào; riêng đan lát phát triển rộng khắp. Kinh tế hàng hoá hiện hành, hình thức trao đổi vẫn còn tồn tại.

Phong tục và nếp sống: Giữ eo sau lưng như ôi quai quàng vào hai vai. Có loại gùi đan dày, gùi đan thưa, và các cách thức hơ vùi người dùng. Đàn ông có riêng loại gùi ba ngăn (gùi cánh dơi).

Ăn uống: Người C Tuc thường ngày ăn cơm, ngày lễ hội có thêm cơm nếp. Ít ăn các loại quả cay. Thích các món nướng, phơi và trong rừng, uống nước lá (nay nhiều người dùng nước chín), rượu mía, rượu tằm - vôi (chết mọt) (cây rừng, hạt dẻ) và rượu làm từ gạo, sắn v.v... Họ hút thuốc lá bằng ống.

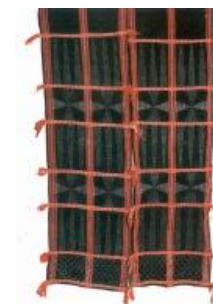
Mặc: Người C Tuc mặc áo chui ngắn tay, quần chui ngắn, có hoa văn bằng chỉ, thêu hoa văn bằng chỉ. Đàn ông quấn khăn, thêu trên. Đàn bà mặc váy ngắn. Nếu váy dài thì che tay; ngày lễ hội có thêm thêu trên quần áo. Loài vật làm lồng dùng choàng, quấn và phơi.

Đám cưới: Người C Tuc sống tập trung các huyện Hiên, Giếng (tỉnh Quảng Nam) và các huyện Phú Lộc, A Lưới (Thừa Thiên Huế). Họ ở nhà sàn, mái uốn khum hai đầu, đáng mai rùa. Đứng trước nhà thêu lên một ô cửa sổ hình chữ nhật. Trước kia trong nhà có nhiều cặp voi con và con gái cùng sinh sống, thêu là các gia đình có anh em trai và con gái. Toàn bộ nhà trong làng được thành một vòng, quay quanh kho rừng trồng giống. Mỗi làng có ngôi nhà chung gọi là Gai, cao lớn và đẹp nhất. Đó là nơi hội họp và sinh hoạt công cộng.

Quan hệ xã hội: Quan hệ cộng đồng dân làng khá chặt chẽ. Làng là một



Giống như viên gạch ở hàng ngày, phải có nĩa sậy. Người C Tuc dùng loại nĩa hình lá dẻ, đan phẳng và dùng bện, như là nĩa đan bằng mây. Hiện tại Bộ tàng Dân tộc học Việt Nam.



Khăn vải có hoa văn bằng chỉ dệt các chui ngắn và thêu giá. Trên khăn, hoa văn tập trung ở hai đầu dưới, là các án hoa văn hình chữ c.

... dân cư trên mặt đất và rừng núi, tập trung vào các điểm, người là ông "già làng" ... phân hóa xã hội sâu sắc. Gia tài ... xác nhận bằng chứng, trâu, eo trang sức, v.v.

C i xin: Nhà trai phải nộp cho nhà gái và tổ chức cưới. Vì lý do phải qua các bước nghi thức: Hôn, lễ cưới và sau này, khi đã khá giả thì cưới thêm lễ cưới nữa. Phải hình thức con trai cô lý con gái cưu, vợ gọi anh họ cưới quá cưới. Quan hệ hôn nhân mới chỉ: Nếu nhà A đã cưới con gái cho nhà B thì nhà B không cưới con gái cho nhà A. Trước kia người nghèo giàu thích cưới "cặp vợ chồng".

Sinh: Người phải trong chòi dưng sau nhà họ cưới ngay cưới búp lả trong nhà, có vài phần giúp. Cái nhau bỏ vào vại nước gội bé, lá chuối chôn phía sau nhà. Sau 3 - 4 ngày họ cưới thì tuấn nữ phải có thể làm. Qua vài ba tháng mới đặt tên cho bé.

Ma chay: Quan tài cưới cưới người chết chôn kín họ cưới không lập. Nhà khá giả thì quản thi dài ngày hơn, mâm cỗ nhiều, nhà nghèo làm bằng gạo, củ khoai, có nhiều hình trang trí tốt và đẹp. Người C Tu có tục "dựng mâm". Sau ít năm mai táng, khi tang gia đình chôn cất người chết, phải lập trung hài cốt của tang gia trong làng cùng tiến hành mai táng.



Theo người C Tu nhà sàn dài, mái uốn tròn thì người hình mặt trăng nói ngôn ngữ Môn - Kh Me khác. Mọi ngôi nhà như thế gọi là nhà người thân thu của chúng, mọi người phải cùng các con mình tạo thành một "búp", có phần không gian riêng trong nhà.

Th cúng: Trong lễ cúng cá nhân, gia đình và cả làng, có rất nhiều lễ cúng gửi lên trời, xuống đất, xuống nước ... Lễ cúng như chôn cất bằng gạo, thóc, chỉ dùng trứng gà; lễ cúng như lễ; cao hơn nữa là dùng trâu; xa kia cao hơn nữa dùng máu người. Theo người C Tu, vì vì các siêu nhiên, máu con vật hiến sinh quan trọng bởi vì. Làng có thể có vật "thiên" (thần là hồn) của người ngôi nhà chung, như một thể bùa. Mặt trăng cá nhân của người có lợi ích của họ.

L tết: Lễ hội này là lễ hội trâu (cả làng cùng nhau ăn mừng), lễ "dựng mâm". Tết theo làng, vào khoảng tháng giêng, tháng hai dựng lễ, sau mùa thu hoạch lúa, trước tết có các nghi lễ cúng quít ở nhà và nhà công cộng. Tết này là dịp vui và đón tiếp khách vui vẻ. Ngày này người ta tập trung vào dịp Tết Nguyên Đán.

L ch: Người C Tu tính ngày trong tháng theo chu kỳ thay đổi hình dạng của mặt trăng. Các ngày vào ó ... đặt tên cho từng ngày. Cho nên, có những ngày cùng một tên gọi. Theo kinh nghiệm và quan niệm dân gian, có ngày tránh sự nóng, khoai sự nhọc; có ngày tránh sự cãi, sự sai qu; có ngày nên dựng nhà, cưới hỏi...

V n ngh: Người C Tu có nhiều truyền thống văn hóa, xã hội con người, văn hóa phát sinh các dòng họ ... Trong lịch sử trình diễn mùa tết: mùa Đ đ, mùa Tết tết. Những thức ăn như bánh chưng 3 chỉ, cưới 1 chỉ, trứng, sáo, đàn, nh. Phần tài nghệ trong việc dệt các sản phẩm hoa văn bằng sợi màu trang trí với các hình thức phân bố và kết hợp khéo léo, chỉ và màu trên vải. Nam giới trong lễ hội trang trí nhà, nhà công cộng, vì nghệ thuật như trâu, chim, rắn, thú rừng, gà... cưới như trong việc vẽ hoa văn trang trí trên cây cột buồm con trâu. Người C Tu có nhiều bài hát riêng của mình.